

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THANH HOÁ**

Bản án số: 71/2018/HNGĐ - ST

Ngày: 27/ 8/2018

V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi  
con khi ly hôn.*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA.**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:* - Ông Nguyễn Văn quý

- Bà Nguyễn Thị Hiền

**- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:**

Bà Lê Thị Mai – Thư ký TAND TP Thanh Hóa.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân TP Thanh Hóa tham gia phiên tòa:**

Bà Lữ Thị Phương quý - KSV

Ngày 27 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 164/ 2018/TLST- HNGĐ ngày 24/ 5/ 2018 về việc: “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn ”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2018/QĐĐVAXX ngày 08/ 8/ 2018 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Anh Phạm Văn Tr - Sinh năm 1986.

HKTT: , xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

**Bị đơn:** Chị Lê Thị Ngọc A – Sinh năm 1988

Địa chỉ: Phường . Đ, thành phố Thanh Hóa

( Tại phiên tòa có mặt các đương sự)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện cùng các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án anh Phạm Văn Trung trình bày:*

**Về hôn nhân:** Anh Phạm Văn Tr và chị Lê Thị Ngọc A kết hôn với nhau vào năm 2011, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa.

Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm, anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. mặc dù anh Tr đã cố gắng, nhưng không tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, nên từ tháng 6 năm 2016 đến nay anh chị sống ly thân và

không ai quan tâm đến ai. Nay anh Tr xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn.

- **Về con chung:** Chị Ngọc A và anh Tr có 02 con chung:

1- Phạm Bảo Ch - Sinh ngày 08/12/2012

2- Phạm Khánh L – Sinh ngày 14/12/2014

Hiện nay cả hai cháu đang ở với chị Ngọc A. Ly hôn anh Tr có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Bảo Ch.

- **Về tài sản và công nợ:** Anh Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Lê Thị Ngọc A trình bày:*

- **Về hôn nhân:** Chị Ngọc A cũng thừa nhận điều kiện kết hôn, thời điểm kết hôn và thời gian phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, nhưng theo chị nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn vợ chồng là do chị phát hiện anh Tr có quan hệ với người phụ nữ khác qua tin nhắn, chị đã trao đổi với anh Tr, nhưng anh Tr không thừa nhận và từ đó anh Tr không về nhà, không có trách nhiệm với vợ con. Nên `anh chị đã sống ly thân nhau từ 2016 đến nay không ai quan tâm đến ai. Thi thoảng anh Tr có về thăm con, nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra chị đã nhiều lần muốn nói chuyện với anh Tr, nhưng anh Tr không hợp tác. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị với anh Tr thực sự không còn, nhưng vì các con chị muốn đoàn tụ. Nếu anh Trung không đồng ý thì chị cũng đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

- **Về con chung:** Chị Ngọc A thống nhất anh, chị có 02 con chung như anh Tr trình bày. Nếu ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai con và việc cấp dưỡng do sự tự nguyện của anh Trung.

-**Về tài sản và công nợ:** Chị Ngọc A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tòa án đã thu thập chứng cứ từ phía gia đình và chính quyền địa phương thì xác định được như sau:* Anh Tr và chị Ngọc A kết hôn 2011, quá trình chung sống anh chị không hạnh phúc. Nguyên nhân do anh Tr đối xử với vợ không tốt, thi thoảng đánh đập vợ vô cớ, đã được gia đình dàn xếp, nhưng chỉ được một thời gian ngắn mâu thuẫn lại xảy ra và anh chị đã sống ly thân nhau từ 2016 đến nay.

Tại phiên Tòa:

Anh Tr giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và anh đồng ý để chị Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con, anh tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi cháu 1.800.000đ/ 01 tháng.

Chị Ngọc A cũng đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn và chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con, chị đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con theo sự tự nguyện của anh Tr.

*Ý kiến của đại diện VKS:*

- Việc chấp hành pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Từ khi thụ lý đến quá trình xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS về phiên tòa sơ thẩm và Điều 41 của BLTTDS.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại điều 70,71 của BLTTDS. Bị đơn không có mặt theo thông báo của Tòa án, không ký các biên bản giao nhận các quyết định tố tụng của Tòa án là vi phạm quy định tại Điều 70,72 của BLTTSD.

- Về nội dung: Anh Tr và chị Ngọc A kết hôn với nhau năm 2011, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, do đó anh, chị đã sống ly thân nhau từ năm 2016 đến nay. Nay anh Tr, chị Ngọc A xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, nên anh, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho anh, chị được ly hôn và về nuôi con. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55, 80, 81, 82 Luật HNGĐ để chấp nhận yêu cầu của anh, chị.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Về hôn nhân: Anh Tr và chị Ngọc A kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống anh, chị hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nên anh, chị đã sống ly thân nhau từ 2016 đến nay không ai quan tâm đến ai. Như vậy chứng tỏ cuộc sống vợ chồng giữa anh Tr và chị Ngọc A đã không tồn tại trong một thời gian dài. Mặt khác quá trình giải quyết vụ án cả hai anh chị đều xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh chị đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 luật HNGĐ công nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị.

[2] Về con chung:

Ly hôn chị Ngọc A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con. Anh Tr cũng đồng ý và anh Trung tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi cháu 1.800.000đ/ 01 tháng.

Xét nguyện vọng và sự tự nguyện của anh chị là phù hợp, do đó HĐXX căn cứ Điều 81,82,83 luật HNGĐ giao cho chị Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu, anh Tr tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi cháu là 1.800.000đ/ 01 tháng ( cả hai cháu là 3600.000đ/ 01 tháng)

Anh Tr có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản, công nợ: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 BLTTDS và Điều a Khoản 5, 6 Điều 27 NQ 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào: Điều 55; Điều 81; Điều 82, 83 của Luật HNGĐ; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm a Khoản 5, 6 Điều 27 NQ 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

**Xử:**

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Văn Tr với chị Lê Thị Ngọc A.

2. Về nuôi con chung: Anh, chị có 02 con chung là Phạm Bảo Ch - Sinh ngày 08/12/2012 và Phạm Khánh L – Sinh ngày 14/12/2014

Ly hôn giao cho chị Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu, anh Tr tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi cháu là 1.800.000đ/ 01 tháng ( cả hai cháu là 3600.000đ/ 01 tháng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 9 năm 2018 đến khi các cháu thành niên.

Anh Tr có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản, công nợ: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

4. Về án phí: Anh Phạm Văn Tr phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí về cấp dưỡng định kỳ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0005156 ngày 16/5/2018 của Chi cục THADS thành phố Thanh Hoá. Số tiền án phí còn lại anh Trung phải nộp tiếp là 300.000đ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND TP Thanh Hoá;
- Chi cục THADS TP Thanh Hoá;
- UBND p. Đ
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Lê Thị Hương**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**Các Hội thẩm nhân dân**

**Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Hiền    Nguyễn Văn Quý**

**Lê Thị Hương**





***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND TP Thanh Hoá;
- Chi cục THADS TP Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Thị Lý**







